

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2024

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Nguyễn Văn Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị H, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Thân Đức P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị H, anh P vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Thân Đức P vào tháng 2/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo quy định pháp luật. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Hiện vợ chồng đang sống ly, không quan tâm tới nhau nữa. Nay chị xác định bản thân không còn tình cảm với anh P nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Thân Đức M, sinh ngày 05/02/2018 và Thân Diệu L, sinh ngày 13/1/2020. Hiện các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Bản thân chị có công việc, thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con nên chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Thân Đức P* đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

* *Quá trình giải quyết vụ án*, Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh P cư trú xác định: Chị H, anh P đăng ký kết hôn năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh P có phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã D, huyện L để ở từ tháng 5/2024, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Ngô Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Thân Đức P vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Cho chị H được ly hôn anh P; Về con chung: Giao con chung Thân Đức Minh, sinh ngày 05/02/2018 và Thân Diệu L, sinh ngày 13/1/2020 cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị H làm đơn khởi kiện ly hôn anh Thân Đức P, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh P đăng ký kết hôn tháng 2/2017 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; vợ chồng đã ly thân nhau được một thời gian, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

HĐXX thấy lời khai của chị H phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, do đó có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh P.

[5] Về quan hệ con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là Thân Đức M, sinh ngày 05/02/2018 và Thân Diệu L, sinh ngày 13/1/2020. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn. HĐXX thấy rằng: Chị H có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con; anh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản nhưng không đưa ra ý kiến, nguyện vọng nuôi con. Do đó, cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị H ly hôn anh Thân Đức P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Thân Đức Minh, sinh ngày 05/02/2018 và Thân Diệu L, sinh ngày 13/1/2020 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Anh Thân Đức P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007526 ngày 24/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị H, anh Thân Đức P vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Mỹ Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Đỗ Thị Mai Lan

